UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH**

**GIÁO TRÌNH KHÓA HỌC**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| * Tên học phần: **TIẾNG ANH DU LỊCH** |
| * Tên tiếng Anh : **English for Tourism** |
| * Mã học phần: **AV 292** |
| * Học kỳ: 7 |
| * E-learning: có |
| * E-portfolio: không |
| * Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:   Cơ bản ❑ Cơ sở ngành ❑  Chuyên ngành 🗹 Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| * Số tín chỉ: **2 (1+1)** * Số tiết lý thuyết: **15** * Số tiết thực hành: **60** |
| * Project: **0** |
| * Tự học: **60 tiết**   + Đọc tài liệu: **30 tiết**  + Làm bài tập: **30 tiết**  **+** Thực hiện project: **0**  + Hoạt động khác (nếu có): **0** |
| * Học phần tiên quyết: Listening and Speaking for Business Communication, Reading and Writing for Business Communication, Business-to-business interaction |
| * Học phần học trước: Listening and Speaking for Business Communication, Reading and Writing for Business Communication, Business-to-business interaction |

**2. Mô tả học phần**

Đây là một khóa học bắt buộc trong học kỳ thứ bảy của chương trình đào tạo BA. Tiếng Anh cho du lịch là khóa học cung cấp kiến thức cơ bản về du lịch, tác động của du lịch đến đời sống xã hội, định hướng du lịch trong xu hướng toàn cầu hóa, môi trường và thông tin du lịch. Người học cũng sẽ được trang bị những thuật ngữ tiếng Anh trong du lịch cũng như các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các hoạt động liên quan đến du lịch. Hơn nữa, người học có thể thực hành các kỹ năng ngôn ngữ trong các nghiên cứu điển hình thực tế phản ánh các vấn đề trong ngành du lịch ngày nay.

**3. Mục tiêu học phần**

**Sau khi học xong học phần, người học có thể:**

* giải quyết những yêu cầu và khiếu nại của khách hàng
* tiếp thị các điểm đến du lịch
* tư vấn du lịch
* đàm phán, thương lượng
* nói chuyện xã giao

**4. Nguồn học liệu**

***Tài liệu bắt buộc:***

[1] Strutt, P. (2013). *English for International Tourism* (Intermediate) New Edition. Oxford University Express.

***Tài liệu không bắt buộc:***

[2] Dubicka, I. & O’Keeffe, M. (2013). *English for International Tourism.* (Pre- Intermediate) New Edition. Oxford University Express

[3] Strutt, T. (2013). *English for International Tourism*. (Upper- Intermediate) New Edition. Oxford University Express

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N**: Không đóng góp/không liên quan

**S**: Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H**: Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** | | | | | | | | |
| **AV292** | **Tiếng Anh Du Lịch** | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 |
| **N** | **S** | **H** | **H** | **N** | **H** | **N** | **S** | **S** |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT**  **(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | Thông thạo kiến thức cơ bản về chuyên ngành du lịch. | ELO2  ELO3 |
| CELO2 | Thành thạo tiếng Anh chuyên ngành du lịch | ELO4 |
| Kỹ năng | CELO3 | Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp và xử lý các vấn đề của khách du lịch. | ELO6 |
| CELO4 | Sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để tiếp thị các điểm đến du lịch, tư vấn du lịch. | ELO6 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CELO5 | Xây dựng trách nhiệm với khách hàng và với môi trường | ELO8  ELO9 |
| CELO6 | Phát huy sự quan tâm, yêu thích của người học đối với lĩnh vực du lịch. | ELO8  ELO9 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra**  **CELOx** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| CELO1 | CELO1.1 | Định nghĩa các khái niệm và vấn đề cơ bản về du lịch. |
| CELO1.2 | Mô tả các vấn đề trong ngành du lịch. |
| CELO2 | CELO2.1 | Thành thạo các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành du lịch. |
| CELO2.2 | Thành thạo các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp chuyên ngành du lịch. |
| CELO3 | CELO3.1 | Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống du lịch. |
| CELO3.2 | Giải quyết các thắc mắc của khách hàng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng bằng tiếng Anh. |
| CELO4 | CELO4.1 | Sử dụng tiếng Anh để thảo luận về các vấn đề và đề xuất giải pháp trong du lịch. |
| CELO4.2 | Sử dụng tiếng Anh để tiếp thị tour và tư vấn khách du lịch |
| CELO 5 | CELO5.1 | Thực hành thiết lập mối quan hệ với khách hàng thông qua các tình huống giả định |
| CELO5.2 | Thể hiện ý thức trách nhiệm đối với môi trường |
| CELO6 | CELO6.1 | Thể hiện sự sẵn sàng khám phá các vấn đề trong ngành du lịch ngày nay. |
| CELO6.2 | Thể hiện khả năng làm việc độc lập và nhóm hiệu quả. |

**7. Phân loại và đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện**  **(CELOx.y)** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1. **Đánh giá quá trình** | | | | **50** |
| **A1. Đánh giá thái độ học tập** | | | |  |
| Tham dự lớp | * Tham dự lớp * Đóng góp thảo luận trong lớp | Tuần 1-9 | CELO6.1  CELO6.2 | 5 |
| Bài tập nhóm | Làm việc theo cặp, theo nhóm và công việc cá nhân | Tuần 1-9 | CELO5.1  CELO5.2  CELO6.1  CELO6.2 | 10 |
| Tự học | Bài tập được giao | Tuần 1-8 | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO6.1  CELO6.2 | 10 |
| **A2. Kiểm tra giữa kỳ** | | | | 25 |
| Vấn đáp | Đóng vai một tình huống về du lịch  Giám khảo sẽ cung cấp cho sinh viên một tình huống liên quan đến du lịch. Sinh viên phân tích tình huống và đề xuất giải pháp (khoảng 3 phút) | Tuần thứ 7 | CELO3.1  CELO3.2  CELO4.1  CELO4.2 | 25 |
| **B. Đánh giá kết thúc học phần** | | | | **50** |
| Vấn đáp | **Phần 1:** Đóng vai một tình huống về du lịch  Giám khảo sẽ cung cấp cho sinh viên một tình huống liên quan đến du lịch. Sinh viên phân tích tình huống và đề xuất giải pháp (khoảng 3 phút)  **Phần 2:** Sinh viên trả lời những câu hỏi liên quan đến chủ đề phần 1(khoảng 3 phút) | Theo kế hoạch | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO4.1  CELO4.2 |  |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

**8.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy, học và đánh giá** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | Giới thiệu môn học Tiếng Anh  chuyên ngành du lịch  **-** Giới thiệu mục đích của môn học.  - Giới thiệu giáo trình.  - Giới thiệu cách đánh giá và đánh giá.  - Thiết lập công việc cặp và làm việc nhóm.  **BÀI 1: SELLING DREAM**  **Ngữ pháp:** Ôn tập thì - thì hiện tại và quá khứ  **Từ vựng:** tiền bạc, mô tả địa điểm, tính ra giá của một tour trọn gói  **Nghe:** Selling Hawaii dream, xây dựng chiến lược tiếp thị hỗn hợp  **Nói:** Kỳ nghỉ mơ ước, phân tích chiến lược tiếp thị hỗn hợp  **Viết:**Các sở thích  **Kỹ năng chuyên môn:** Tiếp thị  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình:** thiết kế tour du lịch | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Phương pháp đánh giá:**  Kết quả hoạt động học được thể hiện qua kết quả các bài tập liên quan trực tiếp trong giờ học.  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên thực hiện ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học  Sinh viên làm bài tập ở nhà | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.2  CELO6.2 | [1] (Bài 1)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.8-13)  [1] (Bài 1)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.14-15) |
| 2 | **BÀI 2: GETTING THERE**  **Ngữ pháp:** Các cụm động từ  **Từ vựng:** Giao thông vận tảivà du lịch  **Nghe:** Giao thông vận tải ở Trung Quốc, Một tình huống khó khăn  **Nói:** Giao thông vận tải ở nước bạn  **Viết:** Viết biên bản  **Kỹ năng chuyên môn:** Xử lý vấn đề của khách hang  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình:** Cải thiện dịch vụ | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên thực hiện ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.2  CELO6.2 | [1] (Bài 2)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.16-21)  [1] (Bài 2)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.22-23) |
| 3 | **BÀI 3: ACCOMMODATION**  **Ngữ pháp**: Khiếm khuyết động từ  **Từ vựng**: Các loại chỗ ở, cơ sở và dịch vụ  **Đọc**: Chỗ ở tại Tây Ban Nha  **Nghe**: Chọn một khách sạn, Phân loại khách sạn ở Tây Ban Nha  **Nói**: Xử lý vấn đề  **Kỹ năng chuyên môn**: Xử lý khiếu nại  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình**: Điều tra khiếu nại của khách hàng | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên thực hiện ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.2  CELO6.2 | [1] (Bài 3)  Bài tập trong giáo trình chính  [1](tr. 24-29)  [1] (Bài 3)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.30-31) |
| 4 | **BÀI 4: DESTINATIONS**  **Ngữ pháp:** Mạo từ  **Từ vựng:** Thời tiết, khí hậu, tính năng và hấp dẫn  **Đọc:** Thời tiết và hỗn loạn du lịch  **Nghe:** Dự báo thời tiết, Costa de sauipe  **Nói:** Một dịch vụ cá nhân  **Viết:** Mô tả khí hậu  **Kỹ năng chuyên môn:** Đưa ra lời khuyên  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình:** Phát triển điểm đến | **Phương pháp dạy và học:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Phương pháp đánh giá:**  Kết quả hoạt động học được thể hiện qua kết quả các bài tập liên quan trực tiếp trong giờ học.  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên thực hiện ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.1  CELO4.2  CELO6.2 | [1] (Bài 4)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.32-37)  [1] (Bài 4)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.38-39) |
| 5 | **BÀI 5: THINGS TO DO**  **Ngữ pháp:** Cấu trúc câu điều kiện với if  **Từ vựng:** Đặc điểm địa lý, mô tả các điểm tham quan, hoạt động, tác phẩm nghệ thuật  **Đọc:** Paris của Nam Mỹ  **Nghe:** Những điều cần làm ở Argentina, Tham quan có hướng dẫn của một phòng trưng bày nghệ thuật  **Nói:** Mô tả những địa điểm thu hút khách du lịch.  **Viết:** Mô tả địa điểm  **Hoạt động tự học:**  **Kỹ năng chuyên môn:** Giao tiếp với khách du lịch  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình:** Lên kế hoạch cho một chuyến du lịch bằng xe khách | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên làm bài tập thêm ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO4.1  CELO6.2 | [1] (Unit 5)  Bài tập trong giáo trình chính  [1](tr.40-45)  [1] (Bài 5)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.46-47) |
| 6 | **Bài kiểm tra giữa kỳ**   * Vấn đáp: đóng vai tình huống |  | CELO3.1  CELO3.2  CELO4.1 |  |
| 7 | **BÀI 7: CULTURAL TOURISM**  **Ngữ pháp:** Câu bị động  **Từ vựng:** Văn hóa, liên kết từ  **Nghe:** Lên kế hoạch triển lãm, Lễ hội ở Anh  **Đọc:** Khách du lịch văn hóa  **Nói:** Du lịch văn hóa là gì?Mô tả đồ tạo tác  **Kỹ năng chuyên môn:** Tham gia các cuộc họp  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình:** Trình bày một đề xuất | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên làm bài tập thêm ở nhà | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.1  CELO6.1  CELO6.2 | [1] (Bài 7)  Bài tập trong giáo trình chính  [1](tr. 60 -65)  [1] (Bài 7)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.66-67) |
| 8 | **BÀI 9: CUSTOMER SERVICE**  **Ngữ pháp:** Các dạng câu hỏi  **Từ vựng:** Các điều khoản dịch vụ khách hàng, các phẩm chất cá nhân, các cụm động từ  **Nghe:** Trải nghiệm dịch vụ khách hàng, Nhận phản hồi của khách hàng  **Nói:** Kỳ vọng của khách hàng, Thể hiện sự quan tâm của bạn, Đánh giá phản hồi, Câu hỏi phản hồi  **Kỹ năng chuyên môn**: Xử lý các cuộc hội thoại qua điện thoại  **Hoạt động tự học:**  **Nghiên cứu điển hình**: Cải thiện dịch vụ khách hàng | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên làm bài tập thêm ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO4.1  CELO4.2  CELO6.1  CELO6.2 | [1] (bài 9)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (p.76 -81)  [1] (Bài 1)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.82-83) |
| 9 | **BÀI 10: ĐI CÔNG TÁC**  **Ngữ pháp:** Quá khứ hoàn thành  **Từ vựng:** Cácthành ngữ và cách nói ẩn dụ  **Nghe:** Những câu chuyện kể của hành khách thương gia, Bắt đầu một cuộc trò chuyện  **Nói:** hànhkhách thương gia và các ưu đãi, Chủ đề của cuộc trò chuyện  **Kỹ năng chuyên môn:** Nói chuyện phiếm  **Trò chơi:** Trò chơi hội chợ thương mại  **Ôn tập và củng cố kiến thức**  **-**Ôn tập từ bài 1 đến bài 10 | **Phương pháp dạy:**    Phương pháp thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm, đóng vai tình huống được sử dụng linh hoạt trong các giờ học  **Hoạt động tự học:**  Sinh viên làm bài tập thêm ở nhà  **Phương pháp đánh giá:**  Hoạt động tự học được kiểm tra vào đầu giờ các buổi học | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO5.1  CELO6.2 | [1] (bài 10)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr. 84 -89)  [1] (Bài 10)  Bài tập trong giáo trình chính  [1] (tr.90-91) |

**8.2 Thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Chỉ báo thực hiện CĐR của học phần (subCELOS)** | **Tài liệu tham khảo** |
| **1** | **[2] Bài 4: PACKAGE TOURS**  **Ngữ pháp:** Quá khứ đơn  **Từ vựng:** Di sản văn hóa  **Kỹ năng chuyên môn:** Tham quan thành phố  **Nghiên cứu điển hình:** Thiết kế một tour trọn gói | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.2 | Giáo trình [2], bài 4  (tr.32-39) |
| **2** | **[2]** **Bài 3: TOURIST CENTRS**  **Ngữ pháp**: Các hình thức so sánh và so sánh nhất của tính từ  **Từ vựng:** Trung tâm thông tin du khách  **Kỹ năng chuyên môn:** Xử lý thắc mắc  **Nghiên cứu điển hình:** Cải thiện dịch vụ | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.2 | Giáo trình [2], bài 3  [tr.24-31] |
| **3** | **[2] Bài 5: HOTELS**  **Ngữ pháp:** Khiếm khuyết động từ  **Từ vựng:** Cácdịch vụ và tiện nghi khách sạn  **Kỹ năng chuyên môn:** Xử lý khiếu nại  **Nghiên cứu điển hình:** Làm cho một khách sạn tốt trở nên tuyệt vời | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.2 | Giáo trình [2], bài 5  [tr.40-47] |
| **4** | **[3] Bài 4: SUSTAINABILITY**  **Ngữ pháp:** Động từ báo cáo  **Từ vựng:** Du lịch và cộng đồng  **Kỹ năng chuyên môn:** Chủ trì cuộc họp  **Nghiên cứu điển hình:** Phát triển một khu nghỉ dưỡng sinh thái**.** | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.2  CELO6.2 | Giáo trình [3], bài 4  [tr.32- tr.39] |
| **5** | **[3]** **Bài 9: GASTRONOMY**  **Ngữ pháp**: Mệnh đề quan hệ  **Từ vựng**: Thức ăn; Du lịch ẩm thực; Mô tả thực phẩm  **Kỹ năng chuyên môn**: Đưa ra phản hồi  **Nghiên cứu điển hình**: Cải thiện dịch vụ | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.2 | Giáo trình [3], bài 5  [tr.76- tr.83] |
| **6** | **[3] Bài 6: Di sản**  **Ngữ pháp:** Nói về quá khứ  **Từ vựng:** Mô tả một di sản  **Kỹ năng chuyên môn:** Làm hướng dẫn viên du lịch  **Nghiên cứu điển hình:** Thiết kế triển lãm bảo tàng. | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1  CELO4.2 | Giáo trình [3], bài 6  [tr.52- tr.59] |

**9. Quy định của học phần**

**9.1. Đối với sinh viên**

- Giờ tự học: Bên cạnh giờ học theo thời khóa biểu, sinh viên nên dành 60 giờ cho phần tự học bao gồm các nội dung sau:

 + Chuẩn bị bài học mới, đọc tài liệu tham khảo và sửa đổi các ghi chú và tài liệu từ các bài học trước;

+ Hoàn thành các hoạt động được giao có thể bao gồm nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm;

+ Hoàn tất nhật ký việc tự học.

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, nếu vắng quá 20% số tiết (> 10 tiết) sẽ không được dự thi.

- Làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên vắng vào buổi kiểm tra giữa kỳ không có lý do sẽ nhận điểm 0.

**9.2. Đối với giảng viên**

- Đảm bảo nội dung trọng tâm, tính khoa học của bài giảng

- Đảm bảo kế hoạch giảng dạy của học phần

- Chuẩn bị bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo đi kèm

- Khai thác các phương tiện, công cụ dạy học

- Bao quát lớp, sử dụng thời gian hợp lý

**10. Phiên bản chỉnh sửa**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | PHIÊN BẢN | THỜI GIAN DỰ KIẾN CHỈNH SỬA | GHI CHÚ |
| 1 | 1.0 | Kết thúc năm học |  |
|  |  |  |  |

**11. Phụ trách học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | GIẢNG VIÊN | MAIL LIÊN HỆ | GHI CHÚ |
| 1 | Nguyễn Thanh Xuân | xuannt@tdmu.edu.vn |  |
| 2 | Nguyễn Thị Hồng Quế | quenth@tdmu.edu.vn |  |
| 3 | Hoàng Hồ Trang | tranghh@tdmu.edu.vn |  |

- Chương trình: Ngôn Ngữ Anh Khoa: Ngoại Ngữ

- Địa chỉ: 06 đường Trần Văn Ơn, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; email liên hệ: xuannt@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: 02743837804

*Bình Dương, ngày tháng năm 20…*

**GIÁM ĐỐC CTĐT GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC**

**RUBRICS CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH**

**1. Rubrics tham dự lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **Chỉ báo thực hiện** | **TỐT (8-10 điểm)** | **ĐẠT (5-7.9 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (< 5)** |
| **Thời gian tham dự** | CELO5.1  CELO5.2  CELO6.1  CELO6.2 | 80 - 100% ( 6đ) | 60 - 80% (5đ) | Dưới 60% (2 đ) |
| **Thái độ tham dự** | Chú ý, tích cực đóng góp (4đ) | Có chú ý và đóng góp (3đ) | Không chú ý/không đóng góp (2đ) |

**2. Rubrics các bài tập hàng tuần và tự học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Chỉ báo thực hiện** | **Thang điểm** | | | | **Tỉ số**  **(%)** | |
|  | | TỐT  (8-10 điểm) | ĐẠT  (5-7.9điểm) | CHƯA ĐẠT  (<4.9điểm) | | 10 |
| **Làm việc nhóm** | CELO5.1  CELO5.2  CELO6.1  CELO6.2 | | Tích cực tham gia và đóng góp cho các hoạt động; Hơn 80% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | Tích cực tham gia và đóng góp cho các hoạt động; Khoảng 60-80% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | Rất ít tham gia và đóng góp cho các hoạt động; Ít hơn 40% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | | 5 |
| **Làm việc cá nhân** | Tích cực đóng góp cho các hoạt động; Hơn 80% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | Tích cực tham gia và đóng góp cho các hoạt động; Khoảng 60-80% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | Rất ít tham gia và đóng góp cho các hoạt động; Ít hơn 40% nhiệm vụ được thực hiện chính xác | | 5 |

**3 Rubrics đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ**

**Thang điểm cho hoạt động đóng vai:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí** | **Thang điểm cho đánh giá hoạt động đóng vai** | | | **Trọng số từng phần** | **Trọng số bài kiểm tra giữa kỳ** |
| **TỐT**  **2-2.5  điểm** | **ĐẠT**  **1,3-1,9**  **điểm** | **CHƯA ĐẠT**  **<1.3 điểm** |
| CELO1.1  CELO1.2 | **Kiến thức chuyên ngành du lịch** | -Vận dụng đầy đủ những kiến thức và kĩ năng chuyên ngành cơ bản về du lịch.  -Sử dụng hiệu quả các thuật ngữ chuyên ngành  -Thể hiện kiến thức đầy đủ bằng cách trả lời tất cả các câu hỏi của lớp với lời giải thích rõ ràng, cụ thể | -Vận dụng kiến thức và kĩ năng chuyên ngành tương đối đầy đủ để giao tiếp Tiếng Anh trong các tình huống du lịch.  -Sử dụng một số các thuật ngữ chuyên ngành  -Thể hiện sự thoải mái qua các câu trả lời, khôngđưa ra lời giải thích | -Thể hiện sự hạn chế về kiến thức và kĩ năng chuyên ngành du lịch trong giao tiếp Tiếng Anh.  -Sử dụng ít thuật ngữ chuyên ngành  -Thể hiện sự lúng túng. Câu trả lời nêu được thông tin, nhưng chỉ có thể trả lời các câu hỏi đơn giản | 25% | 100% |
| CELO3.1 | **Lưu loát** | Có thể thực hiện vai trò rõ ràng mà không gặp khó khăn. | Có thể thực hiện vai trò với ít khó khăn | Khó khăn trong việc thực hiện đóng vai, nhưng đã có thể hoàn thành nhiệm vụ. | 20% |
| CELO2.1  CELO2.2  CELO3.1 | **Phản xạ** | Hiểu đầy đủ các từ và cụm từ quan trọng và phản ứng cần thiết cho vai trò. | Hiểu các tín hiệu và phản ứng cần thiết gần như mọi lúc. Có khả năng tự điều chỉnh. | .  Có thể hiểu các từ và cụm từ quan trọng, đòi lặp lạ nhiều và cần nhiều giúp đỡ từ bạn cùng đóng vai. | 20% |
| CELO3.1 | **Âm điệu và ngữ điệu** | Sử dụng tốt giọng điệu và ngữ điệu. Cả âm điệu và ngữ điệu đều phù hợp với bối cảnh của vai trò. | Sử dụng tốt âm điệu và ngữ điệu, tuy nhiên, âm điệu hoặc ngữ điệu có đôi chỗ chưa phù hợp với bối cảnh | It thay đổi trong âm điệu và ngữ điệu. Lời nói hơi đều, thể hiện rất ít cảm xúc hoặc sự phản ánh. | 20% |  |

**2. Rubrics bài kiểm tra kết thúc học phần**

**Phần 1: Thang điểm đánh giá hoạt động đóng vai:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí** | **Thang điểm cho đánh giá hoạt động đóng vai** | | | **Trọng số từng phần** | **Trọng số bài kiểm tra cuối kỳ** |
| **TỐT**  **2-2.5  điểm** | **ĐẠT**  **1,3-1,9**  **điểm** | **CHƯA ĐẠT**  **<1.3 điểm** |
| CELO1.1,2 CELO2.1,2 CELO3.1,2 CELO4.1,2 CELO5.1,2 .CELO6.1,2 | **Kiến thức chuyên ngành du lịch** | -Vận dụng đầy đủ những kiến thức và kĩ năng chuyên ngành cơ bản về du lịch.  -Sử dụng hiệu quả các thuật ngữ chuyên ngành  Thể hiện kiến thức đầy đủ bằng cách trả lời tất cả các câu hỏi của lớp với lời giải thích rõ ràng, cụ thể | -Vận dụng kiến thức và kĩ năng chuyên ngành tương đối đầy đủ để giao tiếp Tiếng Anh trong các tình huống du lịch.  -Sử dụng một số các thuật ngữ chuyên ngành  Thể hiện sự thoải mái qua các câu trả lời, khôngđưa ra lời giải thích | -Thể hiện sự hạn chế về kiến thức và kĩ năng chuyên ngành du lịch trong giao tiếp Tiếng Anh.  -Sử dụng ít thuật ngữ chuyên ngành  Thể hiện sự lúng túng. Câu trả lời nêu được thông tin, nhưng chỉ có thể trả lời các câu hỏi đơn giản | 25% | 60% |
| CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6 | **Lưu loát** | Có thể thực hiện vai trò rõ ràng mà không gặp khó khăn. | Có thể thực hiện vai trò với ít khó khăn | Khó khăn trong việc thực hiện đóng vai, nhưng đã có thể hoàn thành nhiệm vụ. | 25% |
| CELO1.1,2  CELO3.1,2  CELO5.1,2 | **Phản xạ** | Hiểu đầy đủ các từ và cụm từ quan trọng và phản ứng cần thiết cho vai trò. | Hiểu các tín hiệu và phản ứng cần thiết gần như mọi lúc. Có khả năng tự điều chỉnh. | .  Có thể hiểu các từ và cụm từ quan trọng, đòi lặp lạ nhiều và cần nhiều giúp đỡ từ bạn cùng đóng vai. | 25% |
| CELO1.1,2  CELO3.1,2  CELO5.1,2 | **Âm điệu và ngữ điệu** | Sử dụng tốt giọng điệu và ngữ điệu. Cả âm điệu và ngữ điệu đều phù hợp với bối cảnh của vai trò. | Sử dụng tốt âm điệu và ngữ điệu, tuy nhiên, âm điệu hoặc ngữ điệu có đôi chỗ chưa phù hợp với bối cảnh. | Ít thay đổi trong âm điệu và ngữ điệu. Lời nói hơi đều, thể hiện rất ít cảm xúc hoặc sự phản ánh. | 25% |  |

**2.2 Thang điểm cho phần trả lời câu hỏi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT**  **(4-5 điểm)** | **ĐẠT**  **(2,5-<4 điểm)** | **CHƯA ĐẠT <2,5điểm)** | **Tỉ số**  **(%)** | **Tỉ số**  **Bài kiểm tra cuối kỳ** |
| CELO3.1,2  CELO5.1,2  CELO6.1,2 | **Khả năng giao tiếp tương tác** | - Sinh viên trả lời các câu hỏi với câu trả lời thích hợp, thừa nhận tất cả các tuyên bố  -Phát âm rõ ràng và sử dụng nhiều cách diễn đạt để tăng cường giao tiếp | - Sinh viên hiểu và trả lời hầu hết các câu hỏi  - Sinh viên có thể trả lời các câu hỏi với một số chi tiết.  -Một số lỗi tồn tại, tuy nhiên ý nghĩa câu trả lời rõ ràng. | -Sinh viên cần lặp lại khi nghe câu hỏi.  - Sinh viên không trả lời một số câu hỏi.  -Một số vấn đề giao tiếp phát sinh do cách phát âm không rõ ràng và / hoặc thiếu sự phản ánh và /hoặc cách diễn đạt  -Sinh viên có thể đã gặp khó khăn trong việc nghe hiểu. | 50% | 40% |
| CELO1.1  CELO1.2 | **Kiến thức chuyên ngành du lịch** | -Vận dụng đầy đủ những kiến thức và kĩ năng chuyên ngành cơ bản để phân tích tình huống.  -Sử dụng hầu hết các thuật ngữ chuyên ngành  -Trả lời tất cả các câu hỏi với lời giải thích rõ ràng, cụ thể | -Vận dụng kiến thức và kĩ năng chuyên ngành tương đối đầy đủ để phân tích tình huống.  -Sử dụng hầu hết các thuật ngữ chuyên ngành  -Trả lời tất cả các câu hỏi không có lời giải thích | -Thể hiện sự hạn chế về kiến thức và kĩ năng chuyên ngành.  -Sử dụng ít thuật ngữ chuyên ngành  - Trả lời tất cả các câu hỏi đơn giản | 50% |

**\* Ghi chú:**

- Điểm tổng kết học phần sẽ được tính dựa vào tỷ lệ mô tả ở mục 7, tính thành 2 cột điểm:

1. Điểm quá trình

2. Điểm kết thúc học phần